

**KINH NGHIỆM TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ Ở CHÂU ÂU ĐỐI VỚI
MÔ HÌNH ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC
VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

PGS.TS. Đinh Công Tuấn
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Lời toà soạn: XHDS đang là đề tài thu hút sự chú ý rộng rãi của giới nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay. Trong khi thực hiện nghiên cứu đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước về XHDS, PGS.TS. Đinh Công Tuấn đã hoàn thành bài viết: “Kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của các tổ chức XHDS ở châu Âu đối với mô hình đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay”. Bài viết đã bước đầu so sánh mô hình XHDS ở châu Âu và Việt Nam, đã đưa ra được kinh nghiệm xây dựng XHDS ở châu Âu cho Việt Nam tham khảo, rất đáng được quan tâm. Vì bài viết dài, Ban Biên tập sẽ đăng tải trên 2 kỳ, số 5 và số 6 năm 2009, xin kính mời bạn đọc đón xem.

1. Khái quát về tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự (XHDS) châu Âu hiện nay

a. Khái niệm, cấu trúc, vai trò, đặc điểm, chức năng, mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và XHDS

XHDS là khoảng không gian xã hội nằm giữa nhà nước, thị trường và gia đình, nơi mọi người cùng bắt tay nhau xây dựng, thúc đẩy quyền lợi chung của xã hội và cá nhân trong xã hội, đã được Aristotle nhắc đến từ thời cổ đại và đã được phát triển không ngừng đến ngày nay.

Khái niệm XHDS được xuất hiện ở châu Âu từ thế kỷ XVIII với tư cách là sản phẩm trí tuệ, khi các công dân tìm cách thức xác

định vị trí bản thân trong xã hội, độc lập với nhà nước quân chủ.

Mặc dù các khái niệm XHDS có lịch sử phát triển lâu dài và phong phú, song chỉ vào khoảng hai thập kỷ gần đây (sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc năm 1990), nó mới trở thành trọng tâm được chú ý tại các diễn đàn công luận quốc tế. Có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm XHDS, tùy thuộc vào quan điểm và cách tiếp cận từ những ngành khoa học khác nhau. Nhưng nói tóm tắt, XHDS được hiểu như là một xã hội tốt đẹp, một đời sống hiệp hội và một lĩnh vực công cộng. Tác giả Anheier H.K (2004) qua phân tích thực nghiệm, đã đưa ra khung khổ phân tích mô hình cấu trúc “xã hội dân sự hình thoi” bao gồm 4 chiều cạnh là: 1) Cấu trúc

(cơ sở hạ tầng, phạm vi củaXHDS) bao gồm các thể chế, tổ chức, mạng lưới và các cá nhân, các thành tố, nguồn lực để hoạt động; 2) Môi trường (đó là không gian chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, pháp lý, các vấn đề quản trị, các mối quan hệ giữa XHDS với nhà nước và thị trường (khu vực tư nhân); 3) Giá trị (gồm các giá trị nền tảng của XHDS như dân chủ, minh bạch, khoan dung, phi bạo lực, bình đẳng, bảo vệ người yếu thế, bảo vệ môi trường...); 4) Ảnh hưởng (tác động) của XHDS đến giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, của đất nước, XHDS đã tác động đến chính sách Nhà nước, quyền con người, thoả mãn các nhu cầu của xã hội...

Kể từ khi ra đời đến nay, XHDS đã có những vai trò to lớn sau đây:

1. *Vai trò kinh tế, sản xuất*: Bảo đảm kinh tế, cung cấp dịch vụ ở những nơi Nhà nước và thị trường hoạt động yếu kém, nuôi dưỡng “vốn xã hội”, thu hút lao động, việc làm, chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, dịch vụ xã hội, phát triển cộng đồng.

2. *Vai trò xã hội*: Là nơi lưu giữ, bảo tồn các giá trị hợp tác, công việc chăm sóc, nuôi dưỡng đời sống văn hoá và đổi mới tư duy, giúp cho mọi người học hỏi những kỹ năng công dân, cung cấp “vốn xã hội” - “năng lượng xã hội”, đó là sự tin cậy, tinh thần hợp tác...

3. *Vai trò chính trị*: Trong chương trình nghị sự quản trị khu vực công cộng, nơi có ít

hoạt động của các nhóm quyền công dân, các nhóm dân sự đóng vai trò là “cầu nối” cho người nghèo, người có địa vị xã hội thấp kém có thể lên tiếng trong mọi quyết định chính sách của chính phủ. XHDS sẽ khởi xướng các phong trào xã hội...

XHDS có những *đặc điểm* sau đây: tự nguyện, tự tổ chức, tự chủ, đa dạng, phi lợi nhuận, phi thương mại, phi bạo lực, hành động mang tính tập thể, có trách nhiệm giải trình, cam kết minh bạch, mang tính dân sự và dân sự hoá...

XHDS có 6 *chức năng cơ bản về chính trị, xã hội* trong xã hội dân chủ phương Tây hiện đại:

+ Là kênh cho các công dân vận động hành lang đối với các thiết chế, hệ thống chính trị và đại diện cho các lợi ích xã hội. Đây là điều kiện để điều tiết chính trị theo hướng dân chủ;

+ Thực hiện chức năng tự điều tiết chính trị trong xã hội;

+ Tổ chức các đối thoại chính trị và quá trình tương tác công cộng;

+ Cung cấp các hoạt động tự lực xã hội dựa vào cộng đồng;

+ Thúc đẩy quá trình xã hội hoá (giáo dục) chính trị, văn hoá, dân chủ cho các công dân;

+ Tạo ra, duy trì sự đoàn kết và nguồn vốn xã hội ở cộng đồng (Thomat Mayer và Nicole Breyer, 2007).

Còn tác giả Diamond L. (1991) đã nhấn mạnh về 6 chức năng cơ bản của XHDS đối với định chế dân chủ phương Tây: 1) Là nơi tạo ra các nguồn lực chính trị, kinh tế, văn hoá và đạo đức để kiểm soát quyền lực nhà nước; 2) Sự đa dạng của XHDS sẽ đảm bảo rằng nhà nước sẽ không bị “kèm giữ” bởi một vài nhóm nổi trội xã hội; 3) Sự phát triển của đời sống hiệp hội sẽ bổ sung, hỗ trợ công việc cho các đảng chính trị, trong việc thúc đẩy sự tham gia của công dân vào “các trường học tự do rộng lớn hơn” (như cách nói của De Tocqueville); 4. Nhằm ổn định nhà nước, vì công dân sẽ tham dự lớn hơn vào trật tự xã hội; 5. Sẽ nhân rộng XHDS trong quá trình hoạt động, XHDS sẽ nâng cao năng lực nhóm xã hội để cải thiện phúc lợi cho nhân dân; 6. XHDS là điểm thu hút những lãnh đạo chính trị mới, chống lại chủ nghĩa độc tài...

Đặc biệt, XHDS thể hiện tiềm năng kinh tế và xã hội lớn, thông qua việc định hình nên khái niệm “khu vực thứ ba”, những tác động, ảnh hưởng về kinh tế, xã hội ở khu vực này đối với vấn đề đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và thịnh vượng quốc gia. XHDS tham gia vào nhiều lĩnh vực quan trọng như chăm sóc sức khoẻ thể lực và tinh thần, giúp con người đạt được sự tự tin, tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống và hành động tạo ra những ảnh hưởng xã hội tích cực. XHDS thực hiện các chức năng điều tiết quan trọng như thúc đẩy tinh thần tự lực xã hội, can thiệp vào hệ thống chính trị và là chất xúc

tác thúc đẩy sự tham gia tự quản dưới ảnh hưởng của các thể chế hiến pháp.

Về quan hệ giữa XHDS và nhà nước:

Mối quan hệ này thể hiện đa dạng, tùy thuộc vào đặc thù ở từng quốc gia, khu vực. Tuy nhiên, rõ nét nhất là ở việc XHDS có thể gắn kết với hình thức quản trị dân chủ, và là thành tố nền tảng của dân chủ chính trị. XHDS mạnh sẽ góp phần tạo nền móng cho dân chủ, thúc đẩy dân chủ hoá (White G, 1994), thông qua việc thay đổi cán cân quyền lực giữa Nhà nước và xã hội, nhằm đạt cân bằng theo hướng ủng hộ XHDS, và áp dụng những chuẩn mực về đạo đức, kết quả lợi ích công, nâng cao trách nhiệm giải trình của các chính trị gia và công chức nhà nước. Trong các nhà nước hiện đại, dân chủ xã hội phương Tây, đều tồn tại 3 phương thức tự điều tiết chính trị, bao gồm: Nhà nước pháp quyền, thị trường và XHDS. Các phương thức này có mối quan hệ gắn kết, ảnh hưởng tác động lẫn nhau. Tương quan sử dụng các phương thức điều tiết xã hội tùy thuộc vào giai đoạn lịch sử, điều kiện xã hội nhất định. Ví dụ, quan điểm CNXH chính thống ở giai đoạn đỉnh điểm và sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, có xu hướng lý tưởng hoá hành động Nhà nước, và coi đó như biểu hiện logic của ý chí tập thể xã hội. Các phương thức điều tiết thông qua XHDS và thị trường đều bị ngăn cản, hoặc không được khuyến khích. Hoặc ngược lại, trong giai đoạn chủ nghĩa tự do chính thống kiểu cổ điển, áp

dụng các cơ chế điều tiết khác nhau, và giải phóng thị trường khỏi sự can thiệp của Nhà nước vàXHDS, với kỳ vọng rằng thị trường sẽ điều tiết một cách hoàn hảo.

Nói chung, cả 3 phương thức điều tiết xã hội đều có điểm thiếu hụt hoặc hạn chế. Mỗi phương thức thực hiện các chức năng riêng biệt, và do vậy, ở các xã hội châu Âu, chúng chỉ được sử dụng một cách giới hạn trong việc hình thành chính sách dựa trên tính phổ quát lợi ích. Việc đề cao bất cứ một phương thức nào, so với hai phương thức kia trong xã hội cũng đều gặp phải hạn chế.

Hiện nay trong bối cảnh châu Âu đang phát triển mạnh mẽ, nền kinh tế thị trường xã hội, vừa thu hẹp một cách đáng kể sự can thiệp thái quá của Nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế và xã hội, nhưng đồng thời cũng vừa phải chấn chỉnh, thu hẹp lại thị trường tự do không điều tiết, chống khuynh hướng coi thị trường là chìa khoá vạn năng, nâng cao quản trị xã hội, đề cao sự minh bạch hoá, điều đó có nghĩa phải phát huy vai trò của XHDS. Châu Âu cần phải điều chỉnh xây dựng “thiết kế mới” cho các thiết chế chính trị và xã hội, bằng việc *cân bằng ba cơ chế tự điều tiết giữa Nhà nước pháp quyền - thị trường xã hội - và XHDS*. Nói một cách khác, *quan hệ giữa tiền bạc - quyền lực - và tình đoàn kết xã hội phải được tích cực chú trọng xem xét và nghiên cứu*.

b. Tổ chức, hoạt động của các tổ chức XHDS châu Âu

XHDS được hiểu là “đời sống hiệp hội” (Associational life). Nó là “khoảng không gian” của hoạt động có tổ chức, mà không phải do chính phủ hoặc doanh nghiệp vì lợi nhuận tham gia thực hiện. Nó bao gồm hoạt động của các hiệp hội (chính thức và không chính thức) như tổ chức tự nguyện công cộng, công đoàn, tổ chức tôn giáo, hợp tác xã, nhóm tương hỗ, các đảng chính trị, hội nghề nghiệp, hội kinh doanh, tổ chức thiện nguyện, các nhóm công dân phi chính thức, các phong trào xã hội (môi trường, hoà bình) v.v...

Quan điểm này khẳng định tầm quan trọng của các hiệp hội đối với đời sống tập thể, nơi cho phép mọi người thể hiện “cái tôi” tiềm năng, mong muốn của mình và của mọi người qua hành động tập thể. Việc tham gia thành viên các hiệp hội là tự nguyện, không ép buộc, sự tự do hội họp sẽ thúc đẩy văn hoá tham dự dân sự. Nó bắt nguồn và chịu ảnh hưởng ý tưởng của nhà xã hội học người Mỹ gốc châu Âu De Tocqueville, và nhà chính trị học Putnam về “*vốn xã hội*”: XHDS có đặc điểm của tổ chức xã hội như mạng lưới, chuẩn mực và niềm tin xã hội, thúc đẩy sự điều phối, hợp tác vì những lợi ích tương hỗ (Putnam 1995, 2002).

Quan điểm về “*vốn xã hội*”, một trong những công cụ mới nhất trong phân tích phát triển, trực tiếp gắn với sự tiến hoá của XHDS. Khái niệm này vốn không dễ dàng nắm bắt, song có thể nói “*vốn xã hội*” là những tình cảm rất quan trọng như lòng tin giữa công dân với công dân, sự chia sẻ

những giá trị chung về tình đoàn kết, yêu thương, thực hiện bốn phận đối với nhau trong xã hội, thúc đẩy sự điều phối và hợp tác lẫn nhau. Nghiên cứu, đo lường “vốn xã hội” được tiếp cận đa ngành, từ nhiều góc độ kinh tế học, chính trị học, xã hội học, nhân học, sử học..., trong đó, tập trung vào những giá trị văn hoá, thái độ, tạo ra tâm thế cho người hợp tác, tin tưởng hiểu biết, thấu cảm đối với nhau, giúp gắn kết xã hội thông qua thu hút công dân trở thành thành viên, tham gia cộng đồng chung, chia sẻ lợi ích, các giả định về quan hệ xã hội và cảm nhận lợi ích chung. Một phần quan trọng của “vốn xã hội”, đó là lòng tin - mối quan tâm cơ bản và là thành tố gắn kết trong phát triển xã hội, và điều kiện cơ bản để duy trì hoạt động kinh tế và mong muốn hợp tác. Các thái độ, giá trị, lòng tin, tính tương hỗ là nền tảng cơ bản, quan trọng để ổn định chính trị xã hội và hợp tác lẫn nhau.

Các tổ chứcXHDS chính là nơi duy trì các kênh giao tiếp, tiếp xúc quan trọng giữa các công dân, tạo điều kiện tích lũy kỹ năng và phát triển nguồn “vốn xã hội”. Một số cấu trúc xã hội, thiết chế xã hội (truyền thống và hiện đại) đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra “vốn xã hội”. Cội nguồn nuôi dưỡng “vốn xã hội” bắt nguồn từ gia đình (nền tảng quan trọng nhất), nơi làm việc, sự giáo dục ở khu dân cư sinh sống... Tính chất văn hoá, xã hội của “vốn xã hội” thể hiện, phụ thuộc vào bối cảnh như tính đại diện, mức độ gắn kết cộng đồng, sự tham gia của dân cư vào các hoạt động của tổ chức... Ngoài ra, “vốn

xã hội” có mối quan hệ gắn kết với quản trị dân chủ. Ví dụ, có thể coi sự thiếu hụt hoặc hiện diện “vốn xã hội” là chỉ báo về kết quả hoạt động của chính quyền, là lòng tin của cư dân đối với hoạt động của chính quyền, nó gắn với các chỉ báo xã hội liên quan khác...

Hiện nay các tổ chức XHDS ở châu Âu được tồn tại tự nguyện, tự tổ chức, tự chủ, đa nguyên, rất phong phú, nhưng phải mang đặc điểm chung là phi lợi nhuận, phi thương mại, hành động mang tính tập thể, có trách nhiệm giải trình, cam kết minh bạch, phi bạo lực, tính chất dân sự và dân sự hoá. Nó bao gồm các tổ chức phi chính phủ (cấp quốc tế, quốc gia), các phong trào xã hội (phụ nữ, môi trường, hoà bình...), các mạng lưới xã hội theo kiểu tách biệt, linh hoạt (diễn đàn, blog, sử dụng kỹ thuật, công nghệ thông tin...), các nhóm XHDS cơ sở (theo vùng địa lý, thời gian, mục tiêu hoạt động...). Các hình thức tổ chức XHDS (chính thức và không chính thức) còn bao gồm các tổ chức tình nguyện, nhóm cộng đồng, nhóm tôn giáo, công đoàn, các đảng phái chính trị cam kết phát triển nhà nước và nhóm cấp tiến ở vị trí đối lập với trật tự cầm quyền hiện hành..., có thể là hình thức tư nhân, song hoạt động chỉ nhằm mục đích công cộng, định hướng vì lợi ích xã hội chung, thể hiện tính đại diện (dựa trên số thành viên tham gia, lĩnh vực hoạt động, vận động và đại diện cho nhóm yếu thế, bên lề, ở xa các

trung tâm quyền lực...) điều hành trên cơ sở đồng thuận và không ép buộc.

Theo khái quát của Charnovitsze (1997), có thể phân kỳ các giai đoạn phát triển của các tổ chứcXHDS ở châu Âu như sau: Giai đoạn lịch sử 1775 - 1918 – Là giai đoạn mới xuất hiện của các tổ chức XHDS ở xã hội châu Âu; 1919 - 1934 – Có sự tham gia của XHDS; 1935 - 1944 - Không có sự tham gia của XHDS; 1945 - 1949 - Hợp thức hoá sự tham gia của XHDS; 1950 - 1971 – Sự tham gia hạn chế của XHDS; 1972 - 1991 - Tăng cường sự tham gia của XHDS; 1992 đến nay - Tạo quyền nâng cao năng lực của XHDS.

Ở cấp độ toàn cầu và khu vực châu Âu, sự tham gia của các tổ chức XHDS tại các xã hội đã được gia tăng đáng kể từ năm 2001. Một số tổ chức như Tổ chức Minh bạch quốc tế với hơn 100 quốc gia thành viên, được thành lập từ năm 1993, đã rút ra kinh nghiệm từ sự hoạt động của nhiều tổ chức XHDS trước đây do luôn đối đầu với Nhà nước và khu vực tư nhân, hoặc kém hiệu quả nên đã nêu ra các nguyên tắc xây dựng liên minh, không đối đầu, xây dựng đối tác, phi đảng phái và đã thu hút được sự tham gia rộng rãi của mọi lĩnh vực trong xã hội. Hoặc một số tổ chức khác như: Tổ chức Hiệp hội các Thảm phán Quốc tế (IAP, ra đời năm 1945), Hiệp hội Phòng thương mại Quốc tế (1919), Tòa án Hòa giải quốc tế (1923), Sáng kiến quốc tế về Phòng chống tham nhũng và

Quản trị (2001)... cũng đã tuân theo các nguyên tắc này.

Số lượng các tổ chức XHDS ở quốc tế và châu Âu được tăng lên mạnh mẽ. Nếu tính ở cấp toàn cầu, số lượng tổ chức XHDS tăng từ 13.000 (1981) lên đến 47.000 (Adhier. T. 2002). Ở các nước phát triển, số lượng các tổ chức XHDS (Civil Society Organization CSO) tăng một cách chóng mặt, chẳng hạn ở Mỹ có tới 1,5 triệu CSO, sở hữu khối tài sản trị giá 500 tỷ USD. Ngay cả ở những nước kém phát triển hơn, số lượng CSO cũng tăng lên nhanh chóng: ở Hunggari có 40.000, Brazil có 45.000, Thái Lan có 11.000 (Dương Xuân Ngọc - 2007). Ở các nước trong EU, số lượng CSO trong những năm gần đây tăng nhanh. Ở Anh, các tổ chức từ thiện năm 2005 có 169.427 tổ chức, tăng 50.000 so với năm 1995. Có tới 42% dân số ít nhất tham gia tình nguyện chính thức một lần trong năm 2003 - 2004, tăng 39% so với năm 2001. Năm 2006, số lượng các tổ chức từ thiện đăng ký mới là 23.823. Về các tổ chức tôn giáo, hàng năm có khoảng 16.000 nhà thờ tham gia hoạt động XHDS ở cộng đồng, song không có tên trong danh sách đăng ký. Tổ chức công đoàn ở Anh hoạt động xuyên suốt ở cả 3 khu vực: thị trường, Nhà nước và XHDS. Công đoàn đóng vai trò quan trọng trong các cấu trúc quản trị nghiệp đoàn quốc gia và được coi như đối tác chính trong XHDS. Số liệu thống kê cho thấy, thành viên công nhân tham gia công đoàn năm 2007 là 29% (John Hopkin, Carnegie, 2006, 2007). Ở Anh, các tổ chức XHDS

được phân ra thành các lĩnh vực (nhóm) hoạt động như sau: Văn hóa giải trí, giáo dục và nghiên cứu, y tế, dịch vụ xã hội, môi trường, phát triển và nhà ở, luật, vận động và chính trị, từ thiện trung gian, các hoạt động quốc tế, tôn giáo, hiệp hội nghề nghiệp, công đoàn... (John Hopkin, 1999).

Còn ở Thụy Điển, các tổ chứcXHDS còn gọi là "khu vực thứ ba" có vai trò bổ sung và đóng góp quan trọng trong xã hội Thụy Điển. Trong lịch sử khoảng 100 năm trở lại đây, các phong trào quần chúng rộng rãi là hình thức phổ biến và sự kết hợp giữa các "tiếng nói", hệ tư tưởng cho các giai cấp, các nhóm kinh tế, xã hội, lợi ích, nhóm dễ bị tổn thương (nhóm "bên lề"), và có vai trò thúc đẩy tạo nguồn "vốn xã hội" (Lars E Olsson 2005, Lundstrom and Svedberg 2003). Các tổ chứcXHDS ở Thụy Điển bao gồm: hợp tác xã, các phong trào quần chúng, các tổ chức quỹ, các nhóm lợi ích, các hiệp hội khác nhau, công đoàn, tổ chức tôn giáo, các tổ chức chính trị, xã hội... Các tổ chứcXHDS ở Thụy Điển có điểm đặc biệt là thông qua quan điểm của Chính phủ, như các trường học cho dân chủ và quyền công dân, như công cụ để huy động chính trị và được duy trì để chia sẻ trách nhiệm về phát triển, thực hiện các chính sách lao động cùng với Nhà nước. Trong thời gian dài, Nhà nước Thụy Điển có quan hệ rất chặt chẽ với các tổ chứcXHDS (khu vực thứ ba). Và gần đây, Nhà nước đã gia tăng công nhận vai trò chính trị và xã hội của khu vực thứ ba, đặc

biệt về vai trò vận động xã hội (thúc đẩy các lợi ích thành viên, vận động hành lang, tuyên truyền, tuần hành, tạo dựng hệ tư tưởng và đóng góp vào cung cấp các dịch vụ (phúc lợi)). Đóng góp của khu vực thứ ba không chỉ thể hiện ở nguồn lực và các hoạt động, mà ở cả các tuyên bố về chính trị, xã hội, các thành tựu và hậu quả xã hội. Năm 1992, có hơn 100.000 người lao động và 3,2 triệu thành viên của khoảng 180.000 các tổ chứcXHDS ở Thụy Điển đã chi tiêu khoảng 60 triệu Cuaron, chiếm khoảng 4% GDP. Ngoài ra, khoảng 480 triệu giờ lao động tình nguyện (hơn khoảng 50% dân cư tình nguyện ít nhất 1 lần/năm) (Lundstrom and Svedberg 2003). Gần đây, sự tham gia của dân chúng vào các tổ chứcXHDS ngày càng nhiều. Trung bình khoảng 25% dân cư tham gia là thành viên của 4 tổ chức ở khu vực thứ ba. Khu vực này cũng tự hạch toán tài chính thông qua đóng góp phí, lệ phí, nguồn kinh phí khác (bán đồ cũ và vé triển lãm...). Có khoảng 60% thu nhập của tổ chức là từ hoạt động của tổ chức, các hoạt động độc lập và 29% từ các nguồn Chính phủ khác nhau tham gia. Khu vực này tham gia với tư cách là ủy ban Chính phủ, tham vấn về các vấn đề khác nhau như: tách biệt xã hội, phúc lợi xã hội, lao động việc làm v.v... Ở Thụy Điển có tới 36% dân cư tham gia lao động không trả công hoặc làm việc ở các hiệp hội (năm 2007). Ở Thụy Điển, cả hai đảng cánh tả và hữu đều coi các tổ chứcXHDS (khu vực thứ ba) là giải pháp thay thế hợp pháp đối với cả

cung cấp dịch vụ công và tư, ủng hộ các công việc tình nguyện. Ví dụ, phái cánh tả coi khu vực thứ ba không tồi tệ như các công ty tư nhân vì lợi nhuận ở lĩnh vực phúc lợi. Và đảng cánh hữu cho rằng cần có các giải pháp thay thế đối với Nhà nước nói chung và do đó các tổ chức phi lợi nhuận, có thể được coi là một sự lựa chọn cần thiết.

Nhìn chung, khác biệt với các quốc gia khác ở Tây Âu và Trung, Đông Âu, ở Thụy Điển sự cách biệt giữa Nhà nước vàXHDS rất nhỏ, và Nhà nước vẫn đóng vai trò tích cực, nổi trội, đặc biệt cho hoạt động và phát triển bền vững các tổ chức XHDS. Các tổ chức XHDS ở Thụy Điển cũng được tổ chức rất tốt, có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình ổn định chính trị đất nước. Điều này đã phù hợp nhận quan điểm cho rằng, chế độ Nhà nước phúc lợi bao phủ toàn bộ sẽ hủy hoại mong muốn của người dân tham gia làm việc, không được hưởng công ở các tổ chức XHDS.

2. Tính đặc thù và phổ biến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta, trong sự so sánh với các tổ chức XHDS ở châu Âu

Ở phần trên chúng tôi đã phân tích và luận giải các vấn đề lý luận đến thực tiễn về XHDS ở châu Âu, các tổ chức XHDS (CSO) ở châu Âu từ số lượng đến các hoạt động của nó, mối quan hệ giữa XHDS với Nhà nước và thị trường.

Ở phần này, chúng tôi sẽ giới thiệu khái quát về XHDS ở Việt Nam hiện nay, từ bối

cảnh lịch sử của XHDS đến việc khôi phục, mở rộng, quá trình xây dựng khung pháp lý của nó. Và đặc biệt, chúng tôi sẽ tập trung phân tích tính phổ biến, tính đặc thù của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta trong sự so sánh với các tổ chức XHDS châu Âu.

a) Bối cảnh lịch sử của XHDS ở Việt Nam

Việt Nam có truyền thống lâu đời đấu tranh chống ngoại xâm. Kinh nghiệm của các cuộc kháng chiến trường kỳ đã tác động tới bản sắc dân tộc của người Việt Nam, và cũng đã tác động đến các cộng đồng làng xã. Và do các cuộc kháng chiến này mà các cộng đồng làng xã đã ít phụ thuộc vào Nhà nước hơn so với các quốc gia láng giềng. Các nhà sử học và các học giả Việt Nam đã chỉ ra truyền thống dân chủ trong các cộng đồng làng xã (Phạm Bích San 1977, Phạm Văn Bích 1999, Lê Bạch Dương 2002...). Các cộng đồng làng xã nhất quán hơn, bởi vì những người đứng đầu cũng nằm trong số những người bị áp bức và không muốn làm tổn hại đến các truyền thống dân chủ trong làng xã (Kleinen 1999, Grossheim 1974, 2004). Tinh thần kháng chiến chống ngoại xâm thể hiện sâu sắc trong tư duy của người Việt, góp phần vào tình trạng khép kín ở chừng mực nào đó trong hệ thống quan liêu của Việt Nam, là nơi mà ít khi người nước ngoài được phép tiếp cận một cách tự do hoàn toàn (Dự án Civicus - Đánh giá ban đầu về XHDS tại Việt Nam, 2006).

Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, khi Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hợp tác liên minh với nhiều tổ chức quần chúng trong Mặt trận Việt Minh cướp chính quyền, giải phóng đất nước và đặc biệt sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 và cuộc cải tạo XHCN diễn ra ở khắp miền Bắc, Việt Nam đã tiến hành xây dựng một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, thành lập các hợp tác xã ở nông thôn, các công ty quốc doanh trong các ngành chế tạo máy móc và thương mại. Tại miền Nam, công cuộc cải tạo XHCN được bắt đầu sau khi chính quyền Sài Gòn sụp đổ (1975), và thống nhất đất nước vào năm 1976. XHDS đã được Đảng Cộng sản và Chính phủ chuyển thành những tổ chức quần chúng (phụ nữ, thanh niên, công đoàn, hội nông dân) và các tổ chức nghề nghiệp và văn hóa ra đời, do Đảng lãnh đạo và đề hỗ trợ Đảng cầm quyền.

Đến cuối thập kỷ 70, Việt Nam vấp phải tình hình chính trị và kinh tế hết sức khó khăn (Benkerkvliet 2005). Công cuộc đổi mới đất nước chính thức được thực hiện vào năm 1986. Đó là mốc đánh dấu việc bắt đầu chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.

Cho đến cuối thập kỷ 70, Việt Nam ở vào tình trạng kinh tế, chính trị rất khó khăn. Công cuộc đổi mới chính thức được tiến hành từ năm 1986 là mốc đánh dấu Việt Nam bắt đầu chuyển sang nền kinh tế thị trường. Các nước XHCN ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ cuối thập kỷ 90 càng làm cho Việt Nam, một mặt phải đẩy mạnh cải cách, một mặt phải tìm những đối tác mới. Việc thiết

lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ, gia nhập khối ASEAN và ký hiệp định hợp tác với Liên minh Châu Âu (7 – 1995) là những bằng chứng cụ thể rõ ràng. Sau Hiến pháp sửa đổi năm 1992, Việt Nam đã thông qua con đường cải cách mới, xây dựng "nền kinh tế thị trường định hướng XHCN", muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới, muốn hội nhập sâu sắc vào nền kinh tế thế giới, đã nhấn mạnh đến các yếu tố thị trường, các luật lệ pháp lý, giảm nghèo đói, cải cách hệ thống hành chính.

b) XHDS được khôi phục, mở rộng và dần dần có cơ sở pháp lý đảm bảo

Trước năm 1986, các tổ chức xã hội chủ yếu bao gồm các tổ chức quần chúng, thường được gọi là "các tổ chức chính trị - xã hội" như mặt trận, công đoàn, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên... Đây là những tổ chức từng được thành lập vào những năm 1930, gắn bó mật thiết với Đảng Cộng sản Việt Nam và hoạt động dưới ngọn cờ của Mặt trận Tổ quốc.

Đầu thập niên 80, có 3 hiệp hội nghề nghiệp đã được thành lập để thúc đẩy sự giao lưu giữa những người quan tâm đến các lĩnh vực khoa học, văn hóa và đoàn kết, đó là: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Liên hiệp Văn học và Nghệ thuật Việt Nam (VWAA) và Liên hiệp các Hiệp hội Hòa bình, Hữu nghị và Đoàn kết Việt Nam (VUPSFTO, sau gọi là VUFO).

Từ đầu thập kỷ 90, tại Việt Nam, việc mở cửa xã hội cho các thành phần kinh tế

khác cũng tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội và việc phục hồi tập quán liên quan đến sinh hoạt hàng ngày, một phần theo hình thức mới (Malazney 2002). Một xã hội dân sự rộng lớn hơn đã xuất hiện và nở rộ các tổ chức (Dự án Civicus tại Việt Nam, 2006).

Một trong những đánh giá gần đây được thực hiện là phân loại đời sống các tổ chứcXHDS ở Việt Nam giữa những năm 1990, được chia thành 5 loại: 1) Các tổ chức quần chúng; 2) Các hiệp hội nghề nghiệp xã hội Trung ương; 3) Các hiệp hội địa phương; 4) Các hiệp hội nghiên cứu và phát triển khoa học và kỹ thuật; 5) Các nhóm không chính thức (Helvetas 1996).

Hiện nay, qua quá trình phát triển, để có một cái nhìn khái quát về các tổ chức XHDS ở Việt Nam, dự án Civicus nghiên cứu tại Việt Nam năm 2006 đã đưa ra 7 nhóm chính như sau:

1. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng trực thuộc;
2. Các tổ chức liên hiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc;
3. Các hội nghề nghiệp;
4. Các NGO Việt Nam (cũng được gọi là các tổ chức khoa học và công nghệ nếu đăng ký thuộc VUSTA);
5. Các nhóm không chính thức;
6. Các tổ chức tín ngưỡng;
7. Các NGO quốc tế.

Đi đôi với sự phát triển về số lượng các tổ chức XHDS ở Việt Nam, những khung pháp lý đảm bảo cho sự hiện diện và hoạt động của các tổ chức XHDS cũng dần dần được đảm bảo. Các bộ luật, luật, các văn bản dưới luật, các nghị định, qui chế... đã được dần hoàn thiện. Ví dụ, Luật Hợp tác xã được ban hành năm 1996 (sửa đổi năm 2001) tạo điều kiện cho các hợp tác xã mới được thành lập và tự nguyện với mức thúc đẩy kiểu hợp tác này. Năm 2005 có khoảng 10.000 - 15.000 hợp tác xã mới ra đời. Theo các nguồn từ quốc gia thì con số này đã đạt mức từ 100.000 đến 200.000 (Hội thảo về "Khuôn khổ pháp lý cho các nhóm đối công nông thôn" ở Hà Nội năm 2005). Ví dụ, Nghị định mới về Dân chủ cơ sở (Nghị định 29) đã được ban hành, nhằm đảm bảo quyền cho người dân trong cộng đồng (dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra) liên quan đến các quyết định quan trọng ở địa phương. Năm 2003, Nghị định này đã được tăng cường và cũng bao hàm việc đề cập đến vai trò của các tổ chức quần chúng và hội nghề nghiệp (Nghị định 79). Bộ Luật Dân sự được ban hành năm 1995, được sửa đổi năm 2005 và luật pháp liên quan đến địa phương cũng được tăng cường. Các tổ chức này hiện nay dự kiến sẽ đăng ký là các tổ chức xã hội hoặc xã hội - nghề nghiệp hoặc là các quỹ xã hội và từ thiện tại ủy ban nhân dân xã, phường. Những NGO Việt Nam mở rộng trong những năm 90 cũng đã kêu gọi cần cải tiến khuôn khổ pháp lý. Nghị định 35 là bước đi quan

trọng nhất của các NGO Việt Nam và theo đó nhiều tổ chức khoa học - kỹ thuật đã được đăng ký (Nghị định số 35/HĐBT ngày 28/1/1992). Năm 1998 một số qui chế đã được Bộ Chính trị và Đảng ban hành về hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp. Năm 1999, Thủ tướng ban hành qui chế cho các quỹ xã hội và từ thiện. Luật Khoa học và Công nghệ đã được Quốc hội thông qua năm 2000, có tầm quan trọng đặc biệt cho các NGO Việt Nam phát triển vì họ được đăng ký là các tổ chức khoa học và công nghệ, trong khuôn khổ của VUSTA. Quyết định quan trọng nhất là Nghị định 88 của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc tổ chức, hoạt động, quản lý các hiệp hội trong năm 2003 (do Bộ Nội vụ soạn thảo), lần đầu tiên có ý định xác định qui chế về mặt pháp lý cho các tổ chức trong nước và đồng thời cải tiến công tác quản lý của Nhà nước đối với các hiệp hội và NGO. Văn bản này nhằm mục đích thực hiện một giai đoạn thử nghiệm cho việc phác thảo một Bộ luật về các Hiệp hội sẽ ra đời trong những năm tới (đã trải qua hơn 10 năm thảo luận).

Các cuộc khảo sát gần về các tổ chức XHDS ở Việt Nam và các nhóm không chính thức đã cho thấy đời sống xã hội rất rộng, phong phú, đa dạng, số người dân tham gia vào các hoạt động khác nhau rất lớn, có lẽ lên tới 60 - 70 triệu người trên dân số 83 triệu. Ngoài ra, các tổ chức tín ngưỡng bao gồm tới 15 - 20 triệu người. Đến nay, không có số liệu về tổng số các nhóm chính thức,

trừ các nhóm tín dụng (Dự án Civicus, 2006). (*Còn nữa*)

Tài liệu tham khảo

1. Đinh Công Tuấn. *Một số căn đề lý luận và thực tiễn về xã hội dân sự (XHDS) ở Liên minh châu Âu (EU)*, đề cấp Bộ năm 2008, Viện KHXHVN.
2. Thang Văn Phúc, Nguyễn Minh Phương (đồng chủ biên). *Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, 2007.
3. Dự án CIVICUS CSI-SAT: *Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam*, Hà Nội, 2006.
4. Đỗ Văn Quân. *Vai trò của phân biệt xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 2/2009.
5. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, các số năm 2007, 2008.
6. Anheir K.H và Carson 1999, *Global civil society, Dimensions of non- Profits Sector*, Baltimore.
7. Thomat Meyer và Nicole Breyer, 2007, *The Future of Social democracy Frieich Ebbert Stiftung*. Germany.
8. Putnam D.R.2002, *Democracies in Flux. Evolution of Social Capital*, Oxford Univer Press.
9. Diamond L 1994, *Toward Democracies Consolidations*, Journal of democracy, Vol 4, N3.